

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18-9-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Tuấn

Ông Quảng Thanh Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Chí Tâm, là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Ông Nguyễn Thanh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thúy H, sinh ngày 09 tháng 11 năm 1986; số căn cước công dân: 084186012691 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội cấp ngày 24/7/2022

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp L, phường L, tỉnh Vĩnh Long) (xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Lê Minh T, sinh ngày 03 tháng 3 năm 19856; Số hộ chiếu số: B0778046

Địa chỉ: Địa chỉ: A E 35th PL S. Apt # 1401 Tulsa Oklahoma 74134 USA;
Địa chỉ người thân cư trú tại Việt Nam: Ấp R, xã V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thúy H trình bày:* Chị và anh Lê Minh T quen biết nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân tỉnh T vào ngày 07/3/2011. Sau khi cưới, anh T sang Mỹ làm việc thỉnh thoảng có về Việt Nam thăm chị H. Khi chị H có thai và sinh con, anh T chỉ về thăm được một lần vào năm 2011, từ đó đến nay giữa anh T và chị H không còn liên lạc

với nhau, anh chị đã ly thân không còn sống chung với nhau từ đó đến nay, hiện nay anh T đang định cư và sinh sống ở Hoa Kỳ, do hai người ở hai nước khác nhau, không có điều kiện vun đắp, hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nhận thấy anh chị không còn tình cảm để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh T.

Về con chung: Chị H khai, chị với anh T sống chung với nhau có 01 con chung là Lê L, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2010 hiện tại cháu Lê L đang sống chung với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Minh T, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thời gian hòa giải và xét xử, nhưng kết quả địa chỉ cư trú của anh T đã thay đổi. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của anh T thông qua người thân của anh T tại Việt Nam nhưng vẫn không có được thông tin địa chỉ mới của anh T đang ở đâu nên không có ý kiến trình bày của anh T.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thúy H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Minh T vắng mặt, chị Trần Thúy H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ; Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Lê Minh T. Về con chung, Lê L, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2010 hiện tại cháu Lê L đang sống chung với chị H, ý kiến của con là được sống chung với chị H, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận do chị H không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không có tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thúy H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh T, và chị yêu cầu được nuôi con chung, đây là quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về

nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang định cư tại Hoa Kỳ nên căn cứ Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý cho anh Lê Minh T theo địa chỉ tại Hoa Kỳ mà chị H cung cấp như trong giấy đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, anh T đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú, chị H không cung cấp được địa chỉ mới của anh T.

Theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Trong vụ án ly hôn, người Việt Nam ở trong nước xin ly hôn với người Việt Nam ở nước ngoài và nguyên đơn chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của bị đơn mà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài thì Tòa án giải quyết như sau: 1. Trường hợp qua người thân thích của bị đơn có căn cứ xác định họ có liên hệ với người thân thích ở trong nước nhưng người thân thích của họ không cung cấp địa chỉ của bị đơn cho Tòa án, không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết thì được coi là cố tình dấu địa chỉ. Trường hợp Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà người thân thích của họ không cung cấp địa chỉ của bị đơn cho Tòa án, không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết thì Tòa án tiếp tục giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có cung cấp thông tin người thân của anh T ở Việt Nam bà Lê Thị H1 là dì ruột của anh T, Tòa án đã tiến hành tiếp xúc thì được bà H1 xác nhận trước đây anh T về Việt Nam có về sinh sống tại đây, hiện tại bà H1 chỉ liên lạc với anh T qua điện thoại không biết địa chỉ cư trú của anh T ở nước ngoài và không cung cấp được địa chỉ của anh T cho Tòa án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Minh T theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thúy H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thúy H và anh Lê Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh T vào ngày 07/3/2011 (BL 03), nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật Việt Nam. Nguyên nhân ly hôn, theo chị H khai anh T ít về Việt Nam, anh chị đã sống ly thân và không còn liên lạc với nhau, hiện nay anh T đang định cư và sinh sống ở Hoa Kỳ, hai người ở hai nước khác nhau, không có điều kiện vun đắp, hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mục đích hôn nhân là vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa chị H, anh T không đạt được mục đích đó. Hiện nay hai người ở hai nước khác nhau, không liên lạc trao đổi nên việc hàn gắn tình cảm gia đình là không thể thực hiện được. Do

đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thúy H, cho chị H và anh Lê Minh T ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Chị H với anh T có 01 con chung là Lê L, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2010, hiện đang sống chung với chị H, chị H yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Về yêu cầu của chị H Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Lê L hiện đang sống chung với chị H, do cháu Lê L còn nhỏ, đã quen với cuộc sống do chị H nuôi dưỡng, trong khi anh Lê Minh T đang định cư tại Hoa Kỳ không có điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Đồng thời, cháu Lê L ý kiến có nguyện vọng sống với chị H khi cha mẹ ly hôn (BL 21), nhằm không làm xáo trộn cuộc sống của con chung, đồng thời đảm bảo việc phát triển bình thường của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Lê L cho chị Trần Thúy H nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do chị H không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thúy H và anh Lê Minh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật như đã nhận định ở phần trên, nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, buộc chị Trần Thúy H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thúy H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thúy H được ly hôn với anh Lê Minh T

2. Về con chung: Giao cháu Lê L, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2010 cho chị

Trần Thúy H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trần Thúy H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004566 ngày 01/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long), chị đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường L, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Kim Châu